

**BỘ CÔNG THƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **618/QĐ-BCT**

Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt cập nhật Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

**BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG**

*Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;*

*Căn cứ Luật Điện lực số 61/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ, Nghị định số 22/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2025 ;*

*Căn cứ Nghị quyết số 233/NQ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 11 năm 2024 về chủ trương, phương hướng tháo gỡ vướng mắc, khó khăn cho các dự án điện năng lượng tái tạo; chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị công bố và triển khai Nghị quyết của chính phủ về chủ trương, phương hướng tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án năng lượng tái tạo ngày 12 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Văn phòng Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 56/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Điện lực về quy hoạch phát triển điện lực, phương án phát triển mạng lưới cấp điện, đầu tư xây dựng dự án điện lực và đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án kinh doanh điện lực;*

*Căn cứ Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Thủ*

*tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 262/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn tới năm 2050; Quyết định số 1682/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2024 phê duyệt bổ sung, cập nhật Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn tới năm 2050;*

*Căn cứ Văn bản số 9543/VPCP-CN ngày 25 tháng 12 năm 2024, Văn bản số 1420/VPCP-CN ngày 21 tháng 02 năm 2025, Văn bản số 1667/VPCP-CN ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Văn phòng Chính phủ về ban hành bổ sung, cập nhật Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII (lần 3) thực hiện Nghị quyết số 233/NQ-CP;*

*Xét Văn bản số 297/EVN-TTĐ ngày 13 tháng 02 năm 2025 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Điện lực.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Phụ lục cập nhật danh mục dự án nguồn điện nêu tại Phụ lục III Quyết định số 262/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2024 và Quyết định số 1682/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2024 đối với các dự án điện mặt trời tập trung thuộc cơ cấu nguồn điện mặt trời trong Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 thực hiện theo Nghị quyết số 233/NQ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về chủ trương, phương hướng tháo gỡ khó khăn cho các dự án năng lượng tái tạo.

Danh mục các dự án điện mặt trời tại Quyết định này chỉ xác định tên, công suất, địa điểm đến địa bàn cấp tỉnh. Dự kiến địa điểm thực hiện dự án thuộc nội dung của hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định tại Điều 33 Luật Đầu tư hoặc báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (đối với trường hợp cần phải lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi theo quy định Khoản 2 Điều 53 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13). Vị trí, địa điểm xây dựng của dự án thuộc nội dung của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Khoản 1, 2 Điều 54 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13.

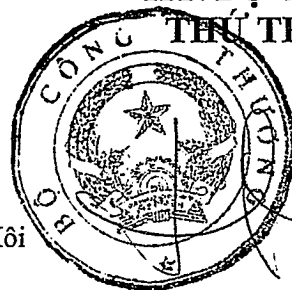
Các cơ quan có thẩm quyền liên quan căn cứ các giải pháp, nguyên tắc tháo gỡ khó khăn được Chính phủ quyết nghị theo Nghị quyết số 233/NQ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2024 để tiếp tục thực hiện việc tháo gỡ vướng mắc, khó khăn cho các dự án năng lượng tái tạo.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 262/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2024 và Quyết định số 1682/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2024.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Cục trưởng Cục Điện lực và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó TTgTTCP Nguyễn Hòa Bình (để b/c);
- Phó TTgCP Bùi Thanh Sơn (để b/c);
- Bộ trưởng (để b/c);
- VPCP;
- Thanh tra Chính phủ;
- Các Bộ: Công an, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- Lưu: VT, ĐL (KH&QH-thg).



**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**

**Nguyễn Hoàng Long**



## PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 18/QĐ-BCT ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Bộ Công Thương)

**Danh mục các dự án điện mặt trời đã vận hành thương mại đến ngày 13 tháng 01 năm 2025 thuộc cơ cấu nguồn điện mặt trời trong Quy hoạch điện VIII**

| STT | Tên nhà máy                                                                       | Tỉnh           | Công suất theo quy hoạch (MW) | Công suất quy hoạch (MWp) |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------------------------|---------------------------|
| (1) | (2)                                                                               | (3)            | (4)                           | (5)                       |
| 1   | NMĐ Mặt trời Bình Hòa                                                             | An Giang       | 10                            |                           |
| 2   | NMĐ Mặt trời Cư Jút                                                               | Đắk Nông       | 50                            |                           |
| 3   | NMĐ Mặt trời Thuận Nam 19                                                         | Ninh Thuận     | 49                            |                           |
| 4   | NMĐ Trang trại điện mặt trời Gelex Ninh Thuận                                     | Ninh Thuận     |                               | 50                        |
| 5   | NMĐ mặt trời Vĩnh Hào                                                             | Bình Thuận     | 30                            |                           |
| 6   | NMĐ mặt trời BP Solar 1                                                           | Ninh Thuận     |                               | 46                        |
| 7   | NMĐ mặt trời Trung Nam                                                            | Ninh Thuận     | 204                           |                           |
| 8   | NMĐ Mặt trời Phan Lâm                                                             | Bình Thuận     |                               | 37                        |
| 9   | NMĐ mặt trời SP Infra 1                                                           | Ninh Thuận     |                               | 50                        |
| 10  | Mặt trời CMX Renewable Việt Nam                                                   | Ninh Thuận     | 168                           |                           |
| 11  | Mặt trời Hoàng Thái Gia                                                           | Tây Ninh       |                               | 50                        |
| 12  | Mặt trời Sơn Mỹ 3.1                                                               | Bình Thuận     |                               | 50                        |
| 13  | Mặt trời TTĐL Vĩnh Tân GĐ 1                                                       | Bình Thuận     |                               | 5                         |
| 14  | NMĐ Mặt trời Hồng Phong 1A                                                        | Bình Thuận     | 150                           |                           |
| 15  | NMĐ Mặt trời Hồng Phong 1B                                                        | Bình Thuận     | 100                           |                           |
| 16  | Mặt trời Đá Bạc                                                                   | Vũng Tàu       | 48                            |                           |
| 17  | Mặt trời Đá Bạc 2                                                                 | Vũng Tàu       | 48                            |                           |
| 18  | Mặt trời Phong Điền                                                               | Thừa Thiên Huế | 35                            |                           |
| 19  | NMĐ mặt trời Thuộc Tổ hợp dự án năng lượng tái tạo Dohwa Lê Thủy, tỉnh Quảng Bình | Quảng Bình     |                               | 49,5                      |
| 20  | Mặt trời AMI Khánh Hòa                                                            | Khánh Hòa      |                               | 50                        |
| 21  | NMĐ mặt trời Dầu Tiếng 1                                                          | Tây Ninh       | 150                           |                           |
| 22  | NMĐ mặt trời Dầu Tiếng 2                                                          | Tây Ninh       | 200                           |                           |
| 23  | NMĐ mặt trời Hồ Bàu Ngự                                                           | Ninh Thuận     | 50                            |                           |
| 24  | NMĐ mặt trời Sao Mai                                                              | An Giang       | 210                           |                           |
| 25  | NMĐ mặt trời Krông Pa                                                             | Gia Lai        | 49                            |                           |
| 26  | NMĐ mặt trời Eco Seido Tuy Phong                                                  | Bình Thuận     | 40                            |                           |
| 27  | NMĐ mặt trời Ninh Phước 6.1                                                       | Ninh Thuận     | 7                             |                           |
| 28  | NMĐ mặt trời Ninh Phước 6.2                                                       | Ninh Thuận     |                               | 50                        |
| 29  | NMĐ Mặt trời Sông Giang                                                           | Khánh Hòa      |                               | 50                        |
| 30  | NMĐ mặt trời Cát Hiệp                                                             | Bình Định      |                               | 49,5                      |
| 31  | NMĐ mặt trời KN Cam Lâm                                                           | Khánh Hòa      |                               | 50                        |
| 32  | NMĐ mặt trời Văn Giáo 1                                                           | An Giang       |                               | 50                        |

| STT | Tên nhà máy                           | Tỉnh              | Công suất theo quy hoạch (MW) | Công suất quy hoạch (MWp) |
|-----|---------------------------------------|-------------------|-------------------------------|---------------------------|
| 33  | NMĐ mặt trời Đa Mi                    | Bình Thuận        | 47,50                         |                           |
| 34  | NMĐ mặt trời VSP Bình Thuận II        | Bình Thuận        | 30                            |                           |
| 35  | NMĐ mặt trời HCG Tây Ninh             | Tây Ninh          |                               | 50                        |
| 36  | NMĐ mặt trời Văn Giáo 2               | An Giang          |                               | 50                        |
| 37  | NMĐ mặt trời Hàm Kiệm                 | Bình Thuận        |                               | 49                        |
| 38  | NMĐ mặt trời Vĩnh Hào 4               | Bình Thuận        |                               | 39                        |
| 39  | NMĐ mặt trời Hòa Hội                  | Phú Yên           | 214                           |                           |
| 40  | NMĐ mặt trời Mũi Né                   | Bình Thuận        |                               | 40                        |
| 41  | NMĐ mặt trời Sông Lũy 1               | Bình Thuận        | 39                            |                           |
| 42  | NMĐ mặt trời Phước Hữu                | Ninh Thuận        | 50                            |                           |
| 43  | NMĐ mặt trời Srepok 1                 | Đắk Lắk           |                               | 50                        |
| 44  | NMĐ mặt trời Quang Minh               | Đắk Lắk           |                               | 50                        |
| 45  | NMĐ mặt trời LIG - Quảng Trị          | Quảng Trị         |                               | 49,5                      |
| 46  | NMĐ mặt trời Mỹ Sơn Hoàn Lộc Việt     | Ninh Thuận        |                               | 50                        |
| 47  | NMĐ mặt trời Fujiwara                 | Bình Định         |                               | 50                        |
| 48  | NMĐ mặt trời BCG Băng Dương           | Long An           |                               | 40,6                      |
| 49  | NMĐ mặt trời Xuân Thọ 1               | Phú Yên           |                               | 50                        |
| 50  | NMĐ mặt trời Xuân Thọ 2               | Phú Yên           |                               | 50                        |
| 51  | NMĐ mặt trời Trí Việt 1               | Tây Ninh          |                               | 30                        |
| 52  | NMĐ mặt trời Bách Khoa Á Châu 1       | Tây Ninh          |                               | 30                        |
| 53  | NMĐ mặt trời Bình Nguyên              | Quảng Ngãi        |                               | 50                        |
| 54  | NMĐ mặt trời Phong Điền II            | Thừa Thiên Huế    |                               | 50                        |
| 55  | NMĐ mặt trời Đàm Trà Ô                | Bình Định         |                               | 50                        |
| 56  | NMĐ mặt trời BIM                      | Ninh Thuận        |                               | 30                        |
| 57  | NMĐ mặt trời Hacom Solar              | Ninh Thuận        |                               | 50                        |
| 58  | NMĐ mặt trời Europlast Long An        | Long An           |                               | 50                        |
| 59  | NMĐ mặt trời Bình An                  | Bình Thuận        |                               | 50                        |
| 60  | NMĐ mặt trời Thuận Minh 2             | Bình Thuận        |                               | 50                        |
| 61  | NMĐ mặt trời KCN Châu Đức             | Bà Rịa - Vũng Tàu | 58                            |                           |
| 62  | Trang trại điện mặt trời BMT          | Đắk Lắk           |                               | 30                        |
| 63  | NMĐ mặt trời Hồng Phong 4             | Bình Thuận        |                               | 48                        |
| 64  | NMĐ mặt trời Europlast Phú Yên        | Phú Yên           |                               | 50                        |
| 65  | NMĐ mặt trời Thịnh Long - AAA Phú Yên | Phú Yên           |                               | 50                        |
| 66  | NMĐ mặt trời Nhị Hà                   | Ninh Thuận        |                               | 50                        |
| 67  | NMĐ mặt trời Vĩnh Hào 6               | Bình Thuận        |                               | 50                        |
| 68  | NMĐ mặt trời Hậu Giang                | Hậu Giang         | 29                            |                           |
| 69  | NMĐ mặt trời Thành Long Phú Yên       | Phú Yên           |                               | 50                        |
| 70  | NMĐ mặt trời Phước Hữu Điện lực 1     | Ninh Thuận        |                               | 30                        |
| 71  | NMĐ mặt trời Bầu Zôn                  | Ninh Thuận        |                               | 25                        |
| 72  | NMĐ mặt trời Sinenergy Ninh Thuận 1   | Ninh Thuận        |                               | 50                        |
| 73  | NMĐ mặt trời Tuy Phong                | Bình Thuận        | 30                            |                           |
| 74  | NMĐ mặt trời Adani Phước Minh         | Ninh Thuận        |                               | 50                        |

| STT | Tên nhà máy                                   | Tỉnh              | Công suất theo quy hoạch (MW) | Công suất quy hoạch (MWp) |
|-----|-----------------------------------------------|-------------------|-------------------------------|---------------------------|
| 75  | NMĐ mặt trời Mỹ Sơn                           | Ninh Thuận        | 50                            |                           |
| 76  | NMĐ mặt trời Cam Lâm VN                       | Khánh Hòa         |                               | 50                        |
| 77  | NMĐ mặt trời Mộ Đức                           | Quảng Ngãi        | 19,2                          |                           |
| 78  | NMĐ mặt trời TTC số 1                         | Tây Ninh          | 48                            |                           |
| 79  | NMĐ mặt trời Phong Phú                        | Bình Thuận        |                               | 42                        |
| 80  | NMĐ mặt trời Yên Định                         | Thanh Hóa         | 30                            |                           |
| 81  | NMĐ mặt trời Xuân Thiện Thuận Bắc Giai đoạn 1 | Ninh Thuận        | 125                           |                           |
| 82  | NMĐ mặt trời Xuân Thiện Thuận Bắc Giai đoạn 2 | Ninh Thuận        | 75                            |                           |
| 83  | NMĐ mặt trời Đá Bạc 3                         | Bà Rịa - Vũng Tàu |                               | 50                        |
| 84  | NMĐ mặt trời BIM 2                            | Ninh Thuận        | 250                           |                           |
| 85  | NMĐ mặt trời BIM 3                            | Ninh Thuận        |                               | 50                        |
| 86  | NMĐ mặt trời TTC số 2                         | Tây Ninh          |                               | 50                        |
| 87  | NMĐ mặt trời TTC Đức Huệ 1                    | Long An           |                               | 49                        |
| 88  | NMĐ mặt trời TTC Hàm Phú 2                    | Bình Thuận        |                               | 49                        |
| 89  | NMĐ mặt trời Cẩm Hòa                          | Hà Tĩnh           | 50                            |                           |
| 90  | NMĐ mặt trời Hàm Kiệm 1                       | Bình Thuận        |                               | 46                        |
| 91  | NMĐ mặt trời Điện lực Miền Trung              | Khánh Hòa         | 50                            |                           |
| 92  | NMĐ mặt trời Đá Bạc 4                         | Bà Rịa - Vũng Tàu |                               | 50                        |
| 93  | NMĐ mặt trời Thuận Nam Đức Long               | Ninh Thuận        |                               | 50                        |
| 94  | NMĐ mặt trời Hồng Phong 5.2                   | Bình Thuận        |                               | 48                        |
| 95  | NMĐ mặt trời Mỹ Sơn 2                         | Ninh Thuận        |                               | 50                        |
| 96  | NMĐ mặt trời Solar Park 01                    | Long An           |                               | 50                        |
| 97  | NMĐ mặt trời Solar Park 02                    | Long An           |                               | 50                        |
| 98  | NMĐ mặt trời Solar Park 03                    | Long An           |                               | 50                        |
| 99  | NMĐ mặt trời Solar Park 04                    | Long An           |                               | 50                        |
| 100 | NMĐ mặt trời Trung Nam Trà Vinh               | Trà Vinh          |                               | 165                       |
| 101 | NMĐ mặt trời Tân Châu 1                       | Tây Ninh          |                               | 50                        |
| 102 | NMĐ mặt trời Chư Ngọc - EVNLICOGI 16 GD 1     | Gia Lai           |                               | 15                        |
| 103 | NMĐ mặt trời Tuấn Ân                          | Khánh Hòa         | 10                            |                           |
| 104 | NMĐ mặt trời Long Thành 1                     | Đắk Lắk           |                               | 50                        |
| 105 | NMĐ mặt trời Sông Lũy                         | Bình Thuận        | 14                            |                           |
| 106 | NMĐ mặt trời Jang Pong Giai đoạn 1            | Đắk Lắk           |                               | 10                        |
| 107 | NMĐ mặt trời Phước Ninh                       | Ninh Thuận        |                               | 45                        |
| 108 | NMĐ mặt trời Dầu Tiếng 3                      | Tây Ninh          | 150                           |                           |
| 109 | NMĐ mặt trời GAIA                             | Long An           |                               | 101                       |
| 110 | NMĐ mặt trời Vĩnh Tân 2                       | Bình Thuận        |                               | 43                        |
| 111 | NMĐ mặt trời Gio Thành 1                      | Quảng Trị         |                               | 50                        |
| 112 | NMĐ mặt trời Gio Thành 2                      | Quảng Trị         |                               | 50                        |
| 113 | NMĐ mặt trời Trúc Sơn                         | Đắk Nông          |                               | 44,5                      |

| STT | Tên nhà máy                                                     | Tỉnh              | Công suất theo quy hoạch (MW) | Công suất quy hoạch (MWp) |
|-----|-----------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------------------|---------------------------|
| 114 | NMĐ mặt trời Thiên Tân Solar Ninh Thuận                         | Ninh Thuận        | 50                            |                           |
| 115 | NMĐ mặt trời Mỹ Hiệp                                            | Bình Định         |                               | 50                        |
| 116 | NMĐ mặt trời Lộc Ninh 1                                         | Bình Phước        |                               | 200                       |
| 117 | NMĐ mặt trời Lộc Ninh 2                                         | Bình Phước        |                               | 200                       |
| 118 | NMĐ mặt trời Lộc Ninh 3                                         | Bình Phước        |                               | 150                       |
| 119 | NMĐ mặt trời Lộc Ninh 4                                         | Bình Phước        |                               | 200                       |
| 120 | NMĐ mặt trời Lộc Ninh 5                                         | Bình Phước        |                               | 50                        |
| 121 | NMĐ mặt trời Trung Sơn                                          | Khánh Hòa         |                               | 35                        |
| 122 | NMĐ mặt trời Phù Mỹ 1                                           | Bình Định         |                               | 120                       |
| 123 | NMĐ mặt trời Phù Mỹ 2                                           | Bình Định         |                               | 110                       |
| 124 | NMĐ mặt trời Phù Mỹ 3                                           | Bình Định         |                               | 100                       |
| 125 | NMĐ mặt trời Hồ Tầm Bó                                          | Bà Rịa - Vũng Tàu |                               | 35                        |
| 126 | NMĐ mặt trời Hồ Gia Hoét 1 - GD 1                               | Bà Rịa - Vũng Tàu |                               | 50                        |
| 127 | NMĐ mặt trời Solar Farm Nhơn Hải                                | Ninh Thuận        |                               | 35                        |
| 128 | NMĐ mặt trời Long Sơn                                           | Khánh Hòa         |                               | 170                       |
| 129 | NMĐ mặt trời Hồ Núi Một 1                                       | Ninh Thuận        |                               | 50                        |
| 130 | NMĐ mặt trời tại xã Phước Minh, huyện Thuận Nam tỉnh Ninh Thuận | Ninh Thuận        | 450                           |                           |
| 131 | NMĐ mặt trời Thuận Nam 12                                       | Ninh Thuận        |                               | 50                        |
| 132 | NMĐ mặt trời Phan Lâm 2                                         | Bình Thuận        |                               | 49                        |
| 133 | NMĐ mặt trời Ea Súp 1,2,3,4,5                                   | Đắk Lắk           | 600                           |                           |
| 134 | NMĐ mặt trời Cẩm Hưng                                           | Hà Tĩnh           |                               | 29                        |
| 135 | NMĐ mặt trời KN Vạn Ninh                                        | Khánh Hòa         | 100                           |                           |
| 136 | NMĐ mặt trời Thác Mơ                                            | Bình Phước        |                               | 50                        |
| 137 | NMĐ mặt trời Jang Pông Giai đoạn 2                              | Đắk Lắk           |                               | 20                        |
| 138 | NMĐ mặt trời Hồng Liêm 3                                        | Bình Thuận        |                               | 50                        |
| 139 | NMĐ mặt trời Thiên Tân 1.2                                      | Ninh Thuận        |                               | 100                       |
| 140 | NMĐ mặt trời Thiên Tân 1.3                                      | Ninh Thuận        |                               | 50                        |
| 141 | NMĐ mặt trời Thiên Tân 1.4                                      | Ninh Thuận        |                               | 100                       |
| 142 | NMĐ mặt trời VNECO Vĩnh Long                                    | Vĩnh Long         |                               | 50                        |